

Bản án số: 165/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tài
2. Ông Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1538/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê N

Địa chỉ: 62 đường H, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn L

Địa chỉ: 62 đường H, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là bà Lê N trình bày: Bà và ông Nguyễn L có tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 186 quyển số 01 ngày 31/12/2003. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L không chăm lo kinh tế gia đình, mọi việc đều do bà gánh vác, đầu năm 2016, ông L cãi nhau với cha mẹ vợ và bỏ đi. Bà đã liên hệ và cố gắng thuyết phục ông L trở về nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà thấy, tình cảm vợ chồng

không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn L.

Về con chung: Bà và ông L có Bà và ông L có 02 con chung tên Nguyễn K sinh ngày 07/7/2005 và Nguyễn N sinh ngày 07/9/2008. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Nguyễn L trình bày: Năm 2003, ông và bà N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà N có rất nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng không thể hàn gắn, hạnh phúc gia đình không có, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên Nguyễn K sinh ngày 07/7/2005 và Nguyễn N sinh ngày 07/9/2008, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không có ý kiến.

Về tài sản chung: Ông khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn là bà Lê N và bị đơn là ông Nguyễn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh

chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 186 quyển số 01 ngày 31/12/2003 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê N và ông Nguyễn L là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn cho rằng bị đơn không chăm lo kinh tế gia đình, mọi việc đều do nguyên đơn gánh vác, bên cạnh đó, giữa cha mẹ vợ và bị đơn cũng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đầu năm 2016 bị đơn bỏ đi. Nguyên đơn đã cố gắng liên hệ, thuyết phục bị đơn trở về nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tại bản tự khai bị đơn cũng xác định giữa vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng không thể hàn gắn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho 02 bên được ly hôn.

Xét, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn, thực tế đã có thời gian dài sống ly thân, mâu thuẫn giữa các bên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn K sinh ngày 07/7/2005 và Nguyễn N sinh ngày 07/9/2008. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, bị đơn đồng ý giao 02 con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng và các con cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến về vấn đề này, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê N được ly hôn với ông Nguyễn L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn K sinh ngày 07/7/2005 và Nguyễn N sinh ngày 07/9/2008 cho bà Lê N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn L không có ý kiến. Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê N chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0088245 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường A, Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương